

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HS-ST
Ngày 17-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phùng Đức Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Hải Quân

Bà Tô Thị Lợi.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2019/TLST-HS, ngày 18 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn G, sinh ngày 12/3/1986 tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T3 và bà Tô Thị T4; vợ, con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/10/2012 bị Công an tỉnh Lạng Sơn xử phạt hành chính 6.000.000đ về hành vi buôn bán hàng hóa nhập lậu, đã được xóa tiền sự; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/11/2018 đến ngày 22/11/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Phạm Văn P, sinh ngày 01/8/1995 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M và bà Vũ Thị H2; vợ, con: Chưa có; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/11/2018 đến ngày 22/11/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/9/1981 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn P, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Đào Thị L1; có vợ Nguyễn Thị H3 và 02 con; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 06/11/2013 bị Công an huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xử phạt hành chính 1.500.000đ về hành vi vận chuyển hàng hóa nhập lậu, đã được xóa tiền sự; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/11/2018 đến ngày 22/11/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 03/02/1987 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị S1; có vợ Hà Thu T5 và 02 con; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/11/2018 đến ngày 22/11/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Trần Văn T2, sinh ngày 11/10/1980 tại huyện H, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T6 và bà Phạm Thị T7; có vợ Dương Thị H4 và 02 con; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/11/2018 đến ngày 22/11/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt, có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/11/1975 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T8 (đã chết) và bà Nguyễn Thị D; có vợ Hoàng Thị H5 (tên gọi khác: H6) và 02 con; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 25/10/2013 bị Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt hành chính 4.000.000đ về hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu, đã được xóa tiền sự; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/11/2018 đến ngày 22/11/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Lý Văn H1, sinh ngày 09/11/1983 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn P1 và bà Mông Thị P2; có vợ Hoàng Thị G1 và 02 con; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 12/5/2017 bị Công an tỉnh Lạng Sơn xử phạt hành chính 15.000.000đ về hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu, đã được xóa tiền sự; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/11/2018 đến ngày 22/11/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Đặng Văn S, sinh ngày 23/6/1992 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn

hóa: 07/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Đ và bà Triệu Thị L; có vợ Lý Thị V và 02 con; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/11/2018 đến ngày 22/11/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. La Văn C, sinh tháng 07 năm 1970 tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Dương Q (đã chết) và bà Lã Thị L1; có vợ Nguyễn Thị H7 và 02 con; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/11/2018 đến ngày 22/11/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác:

Người chứng kiến:

Anh Hoàng Thanh H8, vắng mặt.

Anh Hoàng Văn N, vắng mặt.

Anh Vương Quốc B, vắng mặt.

Anh Hoàng Văn K1, vắng mặt.

Anh Vương Bảo T9, vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn H9, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/11/2018 Hoàng Văn G đang ngủ tại kho hàng ở số 3^B Nguyễn Đình Lộc, khu Vườn Sái, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, thì nghe thấy tiếng ồn ào của những người đánh bạc ở phòng bên cạnh, G sang xem thì thấy người đàn ông tên Yên không rõ họ, địa chỉ đang xóc cái hộ cho một số người đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa. Thấy vậy G bảo Yên đứng dậy để mình xóc cái cho, Yên đồng ý và đi ra ngoài. Sau đó G cầm cái xóc để mọi người đánh bạc. Hình thức chơi là người cầm cái cho 04 quân vị một mặt màu trắng, một mặt màu đỏ vào đĩa úp bát lại và xóc nhiều lần, sau khi xóc xong thì đặt bát xuống, những người chơi đặt cửa chắn, hoặc cửa lẻ. Khi mở bát ra nếu thấy 02 hoặc 04 quân vị cùng màu thì người đặt tiền ở cửa chắn thắng, còn 01 hoặc 03 quân vị cùng màu thì người đặt tiền ở cửa lẻ thắng. Trung bình mỗi ván các đối tượng đặt cửa từ 50.000đ đến 100.000đ. Cả nhóm gồm: Hoàng Văn G, Phạm Văn P, Lý Văn H1, Trần Văn T2, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn S, La Văn C, Nguyễn Văn T1 đánh bạc đến 14 giờ 55 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự - xã hội Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Đoàn Công an Đồng Đăng, Công an huyện Cao Lộc phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Tang vật thu giữ trên chiếu bạc gồm: 3.650.000 đồng, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn bằng giấy cứng có 01 mặt màu trắng 01 mặt màu đỏ, 01 chiếu cói cùng nhiều đồ vật, tài sản có liên quan khác.

Thu trên người các đối tượng:

Hoàng Văn G 9.050.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 điện thoại di động SAMSUNG GALAXY A7 màu đen và 01 điện thoại di động SAMSUNG GALAXY A7 màu vàng.

Phạm Văn P 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6S màu xám và 01 điện thoại di động hiệu ITTEL màu đỏ.

Lý Văn H1 100.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG J7 màu đen.

Trần Văn T2 01 điện thoại di động VERTU Trung Quốc màu đen.

Nguyễn Văn H 700.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6S màu vàng, 01 giấy phép lái xe số: 240043240674 mang tên Nguyễn Văn H và 01 ví da màu đen.

Nguyễn Văn T 2.060.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 điện thoại di động hiệu XIAOMI màu đen, 01 chứng minh thư nhân dân số: 121401203 mang tên Nguyễn Văn T, 01 giấy phép lái xe số: 240117244054 mang tên Nguyễn Văn T và 01 ví da màu nâu.

Đặng Văn S 3.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

La Văn C 1.155.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Nguyễn Văn T1: 600.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY J7 màu đồng.

Quá trình điều tra làm rõ số tiền thu của các bị cáo dùng để đánh bạc gồm bị cáo Hoàng Văn G 9.050.000 đồng; La Văn C 1.155.000 đồng; Nguyễn Văn T1 600.000 đồng; Nguyễn Văn H 500.000 đồng trong số 700.00 đồng bị thu giữ; Đặng Văn S 200.000 đồng trong số 3.000.000 đồng bị thu giữ. Tổng số tiền các bị cáo Hoàng Văn G, Phạm Văn P, Lý Văn H1, Trần Văn T2, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn S, La Văn C, Nguyễn Văn T1 dùng để đánh bạc là 15.155.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 08/KLGD-PC09 ngày 04/12/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ số tiền thu giữ trên chiếu bạc và trên người các bị cáo là tiền thật.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 09/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn G, Phạm Văn P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Trần Văn T2, Nguyễn Văn H, Lý Văn H1, Đặng Văn S và La Văn C về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng vào khoản 1, 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với Hoàng Văn G.

Áp dụng vào khoản 1, 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn H, Lý Văn H1 và La Văn C.

Áp dụng vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn T2 và Đặng Văn S.

Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 và Trần Văn T2.

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn G, Phạm Văn P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Trần Văn T2, Nguyễn Văn H, Lý Văn H1, Đặng Văn S và La Văn C phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn G từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Xử phạt các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Trần Văn T2, Nguyễn Văn H, Lý Văn H1, Đặng Văn S và La Văn C mỗi bị cáo từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Đặng Văn S điều kiện kinh tế khó khăn, thuộc diện hộ nghèo của xã; bị cáo Trần Văn T2 hiện nay đang điều trị bệnh hiểm nghèo, nên không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo. Còn đối với các bị cáo Hoàng Văn G, Phạm Văn P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn H, Lý Văn H1 và La Văn C đề nghị Hội đồng xét xử phạt tiền mỗi bị cáo từ 10.000.000đ – 20.000.000đ. Các bị cáo không có việc làm ổn định, nên không đề nghị Hội đồng xét xử khấu trừ thu nhập của các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 15.155.000 đồng, trong đó 3.650.000 đồng thu trên chiếu bạc và 11.505.000 đồng thu trên người các bị cáo (Hoàng Văn G 9.050.000 đồng; La Văn C 1.155.000 đồng; Nguyễn Văn T1 600.000 đồng; Nguyễn Văn H 500.000 đồng và Đặng Văn S 200.000 đồng).

Số tiền 2.060.000 đồng thu trên người bị cáo Nguyễn Văn T; 200.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn H và 100.000 đồng của bị cáo Lý Văn H1, xét thấy không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho các bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Số tiền 2.800.000 đồng thu của bị cáo Đặng Văn S, xét thấy không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho bị cáo.

Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn bằng giấy cứng có 01 mặt màu trắng 01 mặt màu đỏ, 01 chiếu cói.

Đề nghị Hội đồng xét xử xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc đã trả lại cho bị cáo Hoàng Văn G: 01 điện thoại di động SAMSUNG GALAXY A7 màu đen, 01 điện thoại di động SAMSUNG GALAXY A7 màu vàng; Phạm Văn P: 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6S màu xám, 01 điện thoại di động hiệu ITTEL màu đỏ; Lý Văn H1: 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG J7 màu đen; Trần Văn T2: 01 điện thoại di động VERTU Trung Quốc màu đen; Nguyễn Văn H: 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6S màu vàng, 01 giấy phép lái

xe số: 240043240674 mang tên Nguyễn Văn H, 01 ví da màu đen; Nguyễn Văn T: 01 điện thoại di động hiệu XIAOMI màu đen, 01 chứng minh thư nhân dân số: 121401203 mang tên Nguyễn Văn T, 01 giấy phép lái xe số: 240117244054 mang tên Nguyễn Văn T, 01 ví da màu nâu; Nguyễn Văn T1: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY J7 màu đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Tại lời nói sau cùng các bị cáo chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Trần Văn T2 bị bệnh nặng đang điều trị tại Bệnh viện K – Hà Nội và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tại phiên tòa các bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đều nhất trí xử vắng mặt bị cáo Trần Văn T2. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Trần Văn T2.

[2] Về nội dung: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/11/2018 tại số 3^B Nguyễn Đình Lộc, khu Vườn Sái, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc các bị cáo Hoàng Văn G, Phạm Văn P, Lý Văn H1, Trần Văn T2, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn S, La Văn C, Nguyễn Văn T1 đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới chơi hình thức xóc đĩa. Đến khoảng 14 giờ 55 phút ngày 16/11/2018 thì bị Tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự - xã hội Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Đoàn Công an Đồng Đăng, Công an huyện Cao Lộc phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc 3.650.000 đồng và thu trên người các bị cáo số tiền sử dụng để đánh bạc là 11.505.000 đồng. Như vậy xác định số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 15.155.000 đồng.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 16/11/2018; phù hợp với lời khai của người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Hoàng Văn G, Phạm Văn P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Trần Văn T2, Nguyễn Văn H, Lý Văn H1, Đặng Văn S và La Văn C phạm tội đánh bạc được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo gây ra không những vi phạm về quản lý hành chính của Nhà nước đã được pháp luật quy định mà còn ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong nhân dân. Các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Chính vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình gây ra, nhằm để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Vụ án này có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, xét về tính chất vai trò tham gia đánh bạc của các bị cáo, thì bị cáo Hoàng Văn G là người cầm cái để các bị cáo khác cùng tham gia đánh bạc, do vậy bị cáo là người giữ vai trò chính nên phải chịu trách nhiệm cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Trần Văn T2, Nguyễn Văn H, Lý Văn H1, Đặng Văn S và La Văn C đều có vai trò ngang nhau, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương đương nhau.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn T1 có bố đẻ là ông Nguyễn Văn K là thương binh, được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì và huân chương kháng chiến hạng ba; bị cáo Trần Văn T2 bị bệnh nặng, hiện nay đang điều trị tại Bệnh viện K Hà Nội, nên các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Trần Văn T2 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo đều là thành phần nhân dân lao động, không có tiền án, tiền sự. Xét thấy các bị cáo có nơi thường trú ổn định rõ ràng, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo và phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[9] Xét thấy các bị cáo không có việc làm ổn định, nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Đặng Văn S thuộc gia đình hộ nghèo và bị cáo Trần Văn T2 đang điều trị bệnh nặng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo Đặng Văn S và Trần Văn T2. Còn các bị cáo Hoàng Văn G, Phạm Văn P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn H, Lý Văn H1 và La Văn C đều có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để đảm bảo tính răn đe và giáo dục đối với các bị cáo.

[11] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai báo phù hợp với các chứng cứ khác và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[13] Về vật chứng: Đối với số tiền 15.155.000 đồng, trong đó 3.650.000 đồng thu trên chiếu bạc và 11.505.000 đồng thu trên người các bị cáo (Hoàng Văn G

9.050.000 đồng; La Văn C 1.155.000 đồng; Nguyễn Văn T1 600.000 đồng; Nguyễn Văn H 500.000 đồng và Đặng Văn S 200.000 đồng). Xét thấy đây là số tiền đánh bạc cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[14] Đối với số tiền thu trên người các bị cáo Nguyễn Văn T 2.060.000 đồng, Nguyễn Văn H 200.000 đồng (trong số 700.000 đồng) và Lý Văn H1 100.000 đồng. Xét thấy không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho các bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án đối với hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[15] Đối với số tiền 2.800.000 đồng (trong số 3.000.000 đồng) thu của bị cáo Đặng Văn S, xét thấy không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[16] Đối với 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn bằng giấy cứng có 01 mặt màu trắng 01 mặt màu đỏ, 01 chiếu cói. Xét thấy đây là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu huỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[17] Đối với 01 điện thoại di động SAMSUNG GALAXY A7 màu đen, 01 điện thoại di động SAMSUNG GALAXY A7 màu vàng thu của bị cáo Hoàng Văn G; 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6S màu xám, 01 điện thoại di động hiệu ITTEL màu đỏ của Phạm Văn P; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG J7 màu đen của Lý Văn H1; 01 điện thoại di động VERTU Trung Quốc màu đen của Trần Văn T2; 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6S màu vàng, 01 giấy phép lái xe số: 240043240674 mang tên Nguyễn Văn H và 01 ví da màu đen của Nguyễn Văn H; 01 điện thoại di động hiệu XIAOMI màu đen, 01 chứng minh thư nhân dân số: 121401203 mang tên Nguyễn Văn T, 01 giấy phép lái xe số: 240117244054 mang tên Nguyễn Văn T, 01 ví da màu nâu của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY J7 màu đồng của Nguyễn Văn T1. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc đã trả lại cho các bị cáo theo các Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 27 – 28/11/2018. Hội đồng xét xử chỉ cần xác nhận.

[18] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[19] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với Hoàng Văn G;

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn H, Lý Văn H1 và La Văn C.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với Trần Văn T2 và Đặng Văn S.

Căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 và Trần Văn T2;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn G, Phạm Văn P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Trần Văn T2, Nguyễn Văn H, Lý Văn H1, Đặng Văn S và La Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

- Hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn G 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/5/2019). Giao bị cáo Hoàng Văn G cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ = 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại là 14 tháng 12 ngày, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Phạm Văn P cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ = 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại là 14 tháng 12 ngày, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Lý Văn H1 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ = 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại là 14 tháng 12 ngày, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lý Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Văn S 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ = 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại là 14 tháng 12 ngày, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Đặng Văn S cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo La Văn C 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ = 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại là 14 tháng 12 ngày, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo La Văn C cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ = 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại là 14 tháng 12 ngày, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ = 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại là 11 tháng 12 ngày, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn T2 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ = 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại là 11 tháng 12 ngày, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Trần Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Trần Văn T2, Nguyễn Văn H, Lý Văn H1, Đặng Văn S và La Văn C có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người bị kết án cải tạo không giam giữ đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 75 Luật thi hành án hình sự.

- Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Trần Văn T2, Nguyễn Văn H, Lý Văn H1, Đặng Văn S và La Văn C.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Văn G 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn H, Lý Văn H1 và La Văn C mỗi bị cáo 10.000.000đ

(mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Trần Văn T2 và Đặng Văn S.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 3.650.000đ (ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đựng trong một phong bì có chữ “Công an tỉnh Lạng Sơn – Phòng Cảnh sát hình sự” thu trên chiếu bạc, trên phong bì niêm phong dán kín có chữ ký của những người tham gia ở phần giáp lai, được đánh số 01.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 9.050.000đ (chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ trên người của Hoàng Văn G, đựng trong một phong bì thư, trên phong bì niêm phong dán kín có chữ ký của những người tham gia ở phần giáp lai, được đánh số 02.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) trong số 3.000.000đ thu giữ trên người của Đặng Văn S, đựng trong một phong bì thư, trên phong bì niêm phong dán kín có chữ ký của những người tham gia ở phần giáp lai, được đánh số 03.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) thu giữ trên người của Nguyễn Văn T1, đựng trong một phong bì thư, trên phong bì niêm phong dán kín có chữ ký của những người tham gia ở phần giáp lai, được đánh số 05.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.155.000đ (một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng) thu giữ trên người của La Văn C, đựng trong một phong bì thư, trên phong bì niêm phong dán kín có chữ ký của những người tham gia ở phần giáp lai, được đánh số 06.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) trong số 700.000đ thu giữ trên người của Nguyễn Văn H, đựng trong một phong bì thư, trên phong bì niêm phong dán kín có chữ ký của những người tham gia ở phần giáp lai, được đánh số 07.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng có đường kính 11cm, 01 (một) chiếc đĩa sứ có đường kính 18cm, 04 (bốn) quân bài (quân vị) được cắt tròn có đường kính 18mm, 01 (một) chiếc chiếu cói có diện tích 1,6m x 02m.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 2.060.000đ (hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), đựng trong một phong bì thư, trên phong bì niêm phong dán kín có chữ ký của những người tham gia ở phần giáp lai, được đánh số 04; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) trong số 700.000đ thu giữ trên người của Nguyễn Văn H, đựng trong một phong bì thư, trên phong bì niêm phong dán kín có chữ ký của những người tham gia ở phần giáp lai, được đánh số 07; trả cho bị cáo Lý Văn H 100.000đ (một trăm nghìn đồng), đựng trong một phong bì thư, trên phong bì niêm phong dán kín có chữ ký của những người tham gia ở phần giáp lai, được đánh số 08. Tạm giữ số tiền trên của các bị cáo để đảm bảo thi hành án

Trả lại cho bị cáo Đặng Văn S số tiền 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng) trong số 3.000.000đ thu giữ trên người của Đặng Văn S, đựng trong một phong bì thư, trên phong bì niêm phong dán kín có chữ ký của những người tham gia ở phần giáp lai, được đánh số 03.

(Hiện các vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/4/2019).

Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã trả lại cho bị cáo Hoàng Văn G 01 (một) điện thoại di động SAMSUNG GALAXY A7 màu đen có số IMEL: 351580103730616, 01(một) điện thoại di động SAMSUNG GALAXY A7 màu vàng có số IMEL: 355758082334859; Phạm Văn P 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 6S màu xám, số IMEL: 355432074734498, 01 (một) điện thoại di động hiệu ITTEL màu đỏ, có số IMEL 1: 354975084628382; Lý Văn H1 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG J7 màu đen, có số IMEL 1: 352808093400760; Trần Văn T2 01 (một) điện thoại di động VERTU Trung Quốc màu đen, có số IMEL 1: 351509040240942; Nguyễn Văn H 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 6S màu vàng, có số IMEL: 355415072801773, 01 (một) giấy phép lái xe số: 240043240674 mang tên Nguyễn Văn H, 01 (một) ví da màu đen; Nguyễn Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu XIAOMI màu đen, có số IMEL 1: 869722031915233, 01 (một) chứng minh thư nhân dân số: 121401203 mang tên Nguyễn Văn T, 01 (một) giấy phép lái xe số: 240117244054 mang tên Nguyễn Văn T, 01 (một) ví da màu nâu; Nguyễn Văn T1 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, có số IMEL 1: 357326083086601, 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY J7 màu đồng, có số IMEL 1: 355726090684292/01.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Hoàng Văn G, Phạm Văn P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Trần Văn T2, Nguyễn Văn H, Lý Văn H1, Đặng Văn S và La Văn C mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Trần Văn T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Công an huyện Cao Lộc;
- Đội Tổng hợp Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Đức Chính